

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ GIA NGHĨA  
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/DS-ST  
Ngày: 17/02/2025  
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Huế.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Văn Thông.
- Bà Đặng Thị Tâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thanh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 151/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-DS ngày 09/01/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST-DS ngày 07/02/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty T1; địa chỉ: Lầu A Tòa nhà C, 7 N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông NARITA CHIKARA - Chức vụ: Tổng Giám đốc; địa chỉ: Lầu A Tòa nhà C, 7 N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Trần Việt N - Chức vụ: Phó Bộ phận quản lý công nợ; địa chỉ: Lầu A Tòa nhà C, 7 N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh (*Văn bản ủy quyền số 15/2024/UQ-JIVF ngày 22/4/2024*).

*Người được ủy quyền lại:* Ông Nguyễn Văn G - Chức vụ: Nhân viên JIVF; địa chỉ: Lầu A Tòa nhà C, 7 N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Minh (*Văn bản ủy quyền số 893/2024 UQ-JIVF-LM ngày 30/9/2024*) - Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; địa chỉ thường trú: Thôn N, xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; nơi ở hiện nay: Thôn N, xã N'Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 08/07/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền và uỷ quyền lại của nguyên đơn ông Nguyễn Văn G trình bày:*

Ngày 12-04-2023, bà Nguyễn Thị T ký hợp đồng tín dụng số 930350004051961000 với Công ty T1 JACCS (*Viết tắt: Công ty T1*) vay tiền mặt theo hình thức trả góp hàng tháng, số tiền vay là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*), thời hạn vay 30 tháng, lãi suất 3,8700%/tháng. Theo thỏa thuận, bà T trả tiền gốc, lãi và phí vào trước hoặc đúng ngày 12 hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng. Ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 12/5/2023. Khi vay không có tài sản đảm bảo. Công ty T1 đã giải ngân số tiền vay cho bà T. Quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 15/05/2023 đến ngày 24/01/2024 bà T thanh toán cho Công ty T1 số tiền là 20.616.371 đồng, trong đó tiền gốc: 7.702.443 đồng; tiền lãi trong hạn: 12.789.036 đồng; Lãi quá hạn: 16.892 đồng; Phí: 108.000 đồng.

Tuy nhiên, từ ngày 24/01/2024 đến nay, bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T1 và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Hiện khoản vay trên đã quá hạn, tính đến ngày 22/10/2024, bà T còn nợ Công ty T1 số tiền là 46.368.987 đồng. Do đó, Công ty T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho Công ty T1 tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 22/10/2024 là 46.368.987 đồng và tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn và phí từ sau ngày 22/10/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 930350004051961000 ngày 12/4/2023. Quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn có đơn xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phí là 156.000 đồng. Các nội dung khác nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:* Bà thừa nhận đúng như phía đại diện của nguyên đơn trình bày. Ngày 12/04/2023, bà có vay của Công ty T1 số tiền là 40.000.000 đồng, lãi suất là 3,8700%/tháng, thời hạn vay là 30 tháng. Từ ngày 15/05/2023 đến ngày 24/01/2024 bà đã thanh toán cho Công ty T1 số tiền là 20.616.371 đồng; trong đó: Nợ gốc là 7.702.443 đồng, lãi trong hạn là 12.789.036 đồng, lãi quá hạn là 16.892 đồng; phí là 108.000 đồng. Từ ngày 25/01/2024 đến nay bà T chưa trả số tiền lãi và gốc nào vì lý do sinh con nên không thể đi làm. Nay Công ty T1 khởi kiện yêu cầu bà T trả nợ số tiền là

46.368.987 đồng thì bà T hoàn toàn đồng ý. Tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên bà T mong Công ty JACCS tạo điều kiện cho bà T mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi trả nợ xong.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn bà Nguyễn Thị T đều có đơn xin xét xử vắng mặt;

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa phát biểu ý kiến:*

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Từ khi được phân công giải quyết vụ án cho đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Chương XIII, XIV của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, đương sự thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về số tiền phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty T1 JACCS (*Viết tắt: Công ty T1*) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T trả toàn bộ số tiền vay theo hợp đồng tín dụng ký kết giữa công ty T1 và bà T nên xác định quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Nguyễn Thị T có nơi thường trú và cư trú tại Thôn N, xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông, quá trình giải quyết vụ án bà T vẫn sinh sống tại địa chỉ trên, tuy nhiên sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử bà T cư trú tại Thôn N, xã N'Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông nên thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông quy định tại điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện phía nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty T1, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng tín dụng số 930350004051961000 ngày 12-04-2023 được ký kết giữa Công ty T1 và bà T thể hiện bà T vay tiền với mục đích sửa chữa nhà ở, theo hình thức trả góp hàng tháng, số tiền vay là 40.000.000 đồng, lãi suất 3,8700%/tháng (tương đương 46,440%/năm), thời hạn vay là 30 tháng. Theo

thoả thuận, bà T trả tiền gốc, lãi và phí vào trước hoặc đúng ngày 12 hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng. Ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 12-5-2023. Khi vay không có tài sản đảm bảo. Công ty T1 đã giải ngân số tiền vay cho bà T. Quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 15/05/2023 đến ngày 24/01/2024 bà T thanh toán cho Công ty T1 số tiền là 20.616.371 đồng (trong đó: Tiền gốc 7.702.443 đồng; tiền lãi trong hạn: 12.789.036 đồng; lãi quá hạn: 16.892 đồng; phí: 108.000 đồng). Xét nội dung và hình thức của hợp đồng tín dụng nói trên phù hợp với các quy định tại Điều 463, Điều 465, Điều 466 của Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

[4.1] Về số tiền gốc: Ngày 12/4/2023, bà T ký hợp đồng tín dụng số 930350004051961000 vay của Công ty T1 số tiền gốc là 40.000.000 đồng, hai bên thoả thuận kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 12/5/2023 và kỳ trả nợ cuối là ngày 13/10/2025. Từ ngày 15/05/2023 đến ngày 24/01/2024 bà T thanh toán cho Công ty T1 được số tiền là 20.616.371 đồng, trong đó tiền gốc: 7.702.443 đồng; Lãi trong hạn: 12.789.036 đồng; Lãi quá hạn: 16.892 đồng; Phí: 108.000 đồng. Từ ngày 25/01/2024 đến nay bà T chưa thanh toán cho Công ty T1 số tiền gốc nào. Như vậy, tính đến ngày 07/2/2025 (ngày xét xử sơ thẩm) bà T còn nợ Công ty T1 số tiền gốc là 32.297.557 đồng. Do bà T vi phạm các điều khoản mà các bên ký kết trong hợp đồng tín dụng số 930350004051961000 ngày 12/4/2023 là không trả nợ đúng hạn. Vì vậy, Công ty T1 khởi kiện yêu cầu buộc bà T phải trả cho Công ty T1 số tiền gốc là 32.297.557 đồng là có căn cứ.

[4.2] Về số tiền lãi suất: Theo hợp đồng, hai bên thoả thuận mức lãi suất 3,8700%/ tháng tương đương 46,44%/ năm vượt quá mức lãi suất do Bộ luật dân sự quy định 20%/ năm. Tuy nhiên, căn cứ tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác”*;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 quy định *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thoả thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*.

Quá trình thực hiện hợp đồng do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số 930350004051961000 đã ký kết nên bà T phải chịu tiền lãi từ ngày 25/01/2024 đến ngày 07/2/2025 (ngày xét xử sơ thẩm) là 20.599.020 đồng, trong đó, lãi trong hạn: 16.121.727 đồng; lãi quá hạn: 4.477.293 đồng. Như vậy, tính đến ngày 07/2/2025 (ngày xét xử sơ thẩm), bà T còn nợ Công ty T1 tổng số tiền là 52.896.577 đồng. Trong đó, nợ gốc: 32.297.557 đồng; lãi trong hạn: 16.121.727 đồng; lãi quá hạn: 4.477.293 đồng. Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi bà Nguyễn Thị T phải trả cho Công ty T1 là 52.896.577 đồng.

[4.3] Về số tiền phí: Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phí là 156.000 đồng. Xét việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện

nên căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút.

[5] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn Công ty T1 được Toà án chấp nhận. Bị đơn bà Nguyễn Thị T phải trả cho Công ty T1 số tiền 52.896.577 đồng, đây là loại án phí có giá ngạch nên bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí là 2.652.628 đồng ( $52.896.577 \text{ đồng} \times 5\% = 2.644.828 \text{ đồng}$ ) là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228, khoản 1 Điều 238, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T1 JACCS. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T phải trả cho Công ty T1 JACCS số tiền tính đến ngày 07/02/2025 là 52.896.577đ (*Năm mươi hai triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi bảy đồng*), trong đó nợ gốc là 32.297.557đ (*Ba mươi hai triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm năm mươi bảy đồng*), nợ lãi là 20.599.020đ (*Hai mươi triệu năm trăm chín mươi chín nghìn không trăm hai mươi đồng*) (lãi trong hạn là 16.121.727 đồng, lãi quá hạn là 4.477.293 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng số 930350004051961000 ngày 12/4/2023 đã ký kết giữa Công ty T1 JACCS với bà Nguyễn Thị T.

**2.** Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T1 JACCS về việc buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T trả số tiền 156.000đ (*Một trăm*

*năm mươi sáu nghìn đồng).*

**3. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu 2.644.828 đồng (*Hai triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm hai mươi tám đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty T1 JACCS số tiền 998.000đ (*Chín trăm chín mươi tám nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Văn G đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007299 ngày 03 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

**4. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND TP Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS TP Gia Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Huế**